

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3893 /UBND-KTN

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 8 năm 2023

V/v làm rõ một số nội dung liên
quan đến việc đề nghị xây dựng
Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung
Quy hoạch thăm dò, khai thác
và sử dụng khoáng sản làm vật
liệu xây dựng thông thường tỉnh
Quảng Ngãi đến năm 2025 và
định hướng đến năm 2030

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh

Theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 182/HĐND-KTNS ngày 03/8/2023 về việc xây dựng Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 1576/SXD-CL&VL ngày 10/8/2023, UBND tỉnh có ý kiến làm rõ một số nội dung như sau:

1. Cơ sở pháp lý trình HĐND tỉnh Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường:

Tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội quy định:

“d) Quy hoạch quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2019 được tiếp tục thực hiện, kéo dài thời kỳ và điều chỉnh nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 theo Luật Quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt;”

Hiện nay, Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 28/2017/QN-HĐND ngày 14/7/2017 (trước ngày 01/01/2019) nên thuộc đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội.

2. Kết quả thực hiện 04 Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung quy hoạch:

Tổng số mỏ điều chỉnh, bổ sung tại 4 Nghị quyết là 62 mỏ gồm: 15 mỏ đá, 05 mỏ cát và 42 mỏ đất đồi. Trong đó:

- Đã cấp phép thăm dò, khai thác 17 mỏ gồm: 08 mỏ đá, 03 mỏ cát, 06 mỏ đất đồi (có 2 mỏ phục vụ dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn).

- Đang hoàn thiện hồ sơ để cấp phép khai thác phục vụ dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn: 10 mỏ đất.

- Chưa cấp phép: 35 m³ (7 m³ đá, 02 m³ cát, 26 m³ đất đồi), chủ yếu là các m³ khó tiếp cận với đường vận chuyển, việc thỏa thuận thuê đất, đền bù đất, cây cối trên đất làm đường vận chuyển và điều kiện khai thác gặp nhiều khó khăn, do người dân không thống nhất giá thỏa thuận và yêu cầu doanh nghiệp bồi thường với giá cao, khó có khả năng thực hiện.

(Có Phụ lục kèm theo)

3. Nguyên nhân tiếp tục trình điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mỏ phục vụ thi công dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn

a) Về mỏ đất

Căn cứ hồ sơ mỏ vật liệu của Dự án, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 5931/UBND-KTN ngày 21/11/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh để chuẩn bị cho thi công dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, theo đó đã thống nhất 28 m³ đất, gồm: 24 m³ đã quy hoạch (cần điều chỉnh mở rộng 02 m³) và 04 m³ chưa có trong quy hoạch đề nghị bổ sung, với tổng trữ lượng khoảng 14,65 triệu m³ (với nhu cầu sử dụng là 8,2 triệu m³ đáp ứng nhu cầu vật liệu cho Dự án). Trong số 02 m³ đề nghị điều chỉnh mở rộng diện tích và 04 m³ đề nghị bổ sung quy hoạch, thì có 01 m³ không đủ điều kiện để bổ sung vào quy hoạch (mỏ đất Núi Rổ, xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành), các mỏ còn lại đã được điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tại Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Như vậy, UBND tỉnh đã chuẩn bị mỏ đất đáp ứng yêu cầu của Ban Quản lý dự án 2 (Bộ Giao thông vận tải).

Tuy nhiên, theo báo cáo của Ban Quản lý dự án 2 tại các Công văn: Số 1474/BQLDA2-QNHN ngày 27/7/2023, số 1579/BQLDA2-QNHN ngày 09/8/2023 và của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (Nhà thầu thi công) tại Công văn số 947/2023/DCG ngày 04/8/2023, tổng nhu cầu sử dụng vật liệu đất đắp cho dự án khoảng 8,2 triệu m³. Căn cứ danh sách mỏ đã được UBND tỉnh thông nhất tại Công văn số 5931/UBND-KTN ngày 21/11/2022, Nhà thầu thi công đã tổ chức khảo sát thực tế, đánh giá cụ thể về chất lượng, trữ lượng các mỏ như sau:

Đơn vị tính: Triệu m³

Gói thầu	Bước khảo sát BCNCKT và TKKT	Bước tổ chức thi công	Đã cấp phép + đang lập thủ tục + 3 m³ xin bổ sung Quy hoạch	Thiếu so với nhu cầu
	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)
Gói thầu XL1: Km0 – Km30	9,05	5,7	5,0	0,7
Gói thầu XL2: Km30 – Km57	5,6	2,5	2,01	0,49
Tổng cộng	14,65	8,2	7,01	1,19

Đối với Gói thầu XL1: Nhà thầu thi công đã khảo sát, đánh giá thực tế tại các mỏ: Mễ Sơn, Núi Thi (vị trí 1 và vị trí 2), Truong Ôi, Sườn Đồi, Hồ Hóc Ngày (vị trí 1). Trong đó, mỏ đất Sườn Đồi ($0,5$ triệu m^3) ảnh hưởng đến di tích lịch sử Trường Lũy (di tích xếp hạng cấp quốc gia) và mỏ đất Hồ Hóc Ngày - vị trí 1 ($0,45$ triệu m^3) có nhiều đá không đảm bảo để khai thác làm vật liệu thi công nền đường nên loại bỏ; nhà thầu đã khảo sát 02 mỏ chưa có trong quy hoạch (mỏ Núi Cẩm Ông Thi ($0,42$ triệu m^3) và mỏ Núi Đá Kè ($0,3$ triệu m^3)) để bù vào phần trữ lượng của các mỏ không đủ điều kiện khai thác.

Đối với Gói thầu XL2: Nhà thầu thi công đã khảo sát, đánh giá thực tế tại các mỏ: Núi Bren, Đồi Dốc Cộ, Đồi Dốc Cao 02, Núi Bé, Núi Trung Trám. Trong đó, mỏ đất Núi Bé, thôn Bàn Thạch, xã Phổ Cường và mỏ đất Núi Trung Trám, phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ gần ngay cửa hầm, nền đường khu vực này chủ yếu được tận dụng đất đá trong quá trình thi công hầm, vì vậy 02 mỏ này được dự kiến điều phối cho các đoạn đầu tuyến gói thầu XL2 nhưng do cự ly vận chuyển xa nên nhà thầu đã khảo sát mỏ đất chưa có trong quy hoạch (mỏ đất Núi Thi (vị trí 4) ở đầu tuyến gói XL2 ($0,4$ triệu m^3)) để bù vào phần trữ lượng của 02 mỏ cách xa vị trí thi công. Khối lượng còn thiếu khoảng $1,19$ triệu m^3 , Ban Quản lý dự án 2 đề xuất mua từ các mỏ đã được UBND tỉnh đã cấp phép cho các chủ mỏ trên địa bàn tỉnh.

Vì vậy, để có cơ sở pháp lý lập hồ sơ, thủ tục cấp phép khai thác, Chủ đầu tư và Nhà thầu kiến nghị bổ sung 03 mỏ đất vào quy hoạch để phục vụ thi công dự án, gồm: (1) Mỏ đất Núi Thi (vị trí 4), xã Đức Tân, huyện Mộ Đức; (2) Mỏ đất Núi Cẩm Ông Thi, thôn Xuân Đình, xã Hành Thịnh và (3) mỏ đất Núi Đá Kè, thôn Thuận Hòa, xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành.

b) Về mỏ cát

Theo đề xuất của Ban Quản lý dự án 2, UBND tỉnh đã thống nhất danh sách 07 mỏ cát, với tổng trữ lượng khoảng $2,14$ triệu m^3 để phục vụ thi công dự án tại Công văn số 5931/UBND-KTN ngày 21/11/2022. Trong đó, 01 mỏ đã cấp phép khai thác cung cấp ra thị trường, trữ lượng còn lại không nhiều; 04 mỏ đã đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trữ lượng thực tế thăm dò giảm so với dự báo ban đầu, nên khi triển khai thực tế có khả năng thiếu hụt nguồn cát cho dự án.

Vì vậy, Chủ đầu tư và Nhà thầu kiến nghị bổ sung vào quy hoạch 01 mỏ cát để phục vụ cho dự án là mỏ thôn Xuân Đình, xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành (8,9 ha).

4. Nguyên nhân không dự kiến nhu cầu, nguồn vật liệu phục vụ dự án đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi đã được quyết định chủ trương đầu tư từ ngày 12/10/2021:

Theo báo cáo của Ban Quản lý dự án dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh (Ban Quản lý dự án) tại Công văn số 2945/BQL-QLDA2 ngày 08/8/2023, trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi thì Ban Quản lý dự án chỉ định hướng sử dụng các mỏ vật liệu khai thác thương mại để phục vụ cho dự

án nên không đăng ký quy hoạch vị trí mỏ khoáng sản làm vật liệu phục vụ dự án. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai thực hiện Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, thì Ban Quản lý dự án nhận thấy đối với dự án có nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng lớn thì việc đảm bảo nhu cầu vật liệu đất, cát đắp là rất quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công. Do đó, bên cạnh giải pháp sử dụng các mỏ vật liệu khai thác thương mại và tận dụng vật liệu đào nền trong trong phạm vi dự án thì Ban Quản lý dự án bổ sung giải pháp quy hoạch mỏ vật liệu để xin cấp phép khai thác phục vụ cho dự án.

Trong quá trình lập Quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã có tính toán, dự báo nhu cầu khoáng sản cho kỳ quy hoạch. Tuy nhiên, với tốc độ phát triển nhanh về các khu dân cư, khu đô thị; đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp,... trên địa bàn tỉnh trong những năm gần đây và nhất là Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc dự án công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 đang triển khai thi công xây dựng, Dự án đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi sắp khởi công có sử dụng lượng lớn về khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, nên có khả năng thiếu hụt nguồn cung trong thời gian đến. Vì vậy, việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để đáp ứng nhu cầu xây dựng trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết.

Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý dự án 2 – Bộ Giao thông vận tải;
- Ban Quản lý dự án ĐTXD CTGT tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 717).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Phước Hiền

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THỰC HIỆN 4 NGHỊ QUYẾT ĐIỀU CHỈNH,
BỔ SUNG QUY HOẠCH

(Kèm theo Công văn số 3893 /UBND-KTN ngày 14 /8/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên khu vực mỏ	Diện tích (ha)	Loại khoáng sản	Kết quả thực hiện		Ghi chú
				Đã cấp phép	Chưa cấp phép	
I	Các mỏ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND					
1	Mỏ đá đoạn cuối tuyến Tri Bình - Cảng Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn (Khu vực 1)	2,46	Đá xây dựng	x		
2	Mỏ đá đoạn cuối tuyến Tri Bình - Cảng Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn (Khu vực 2)	2,7	Đá xây dựng	x		
3	Mỏ đá Bình Đông, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn	11	Đá xây dựng	x		
4	Mỏ đá chẻ, thôn Vĩnh Sơn, xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi	2,84	Đá xây dựng		x	Đã đấu giá
5	Mỏ đất Bầu Gâm, thôn Phước Thọ 1, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn	11,1	Đất san lấp		x	
6	Mỏ đất Núi Hóc Xanh, xã Bình Long và xã Bình Phước, huyện Bình Sơn	13,7	Đất san lấp		x	
7	Mỏ đất Cẩm Diêu, phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ	3,42	Đất san lấp	x		
8	Khu vực mỏ đất đồi tổ dân phố Nước Rạc, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	10,1229	Đất san lấp	x		
9	Mỏ đất Núi Rẫy Chùa, phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ	4,244	Đất san lấp		x	
10	Mỏ đất Núi Làng, phường Phổ Vinh, thị xã Đức Phổ	10	Đất san lấp		x	
11	Mỏ đất Chồi Chi, thôn Phước Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	7,5	Đất san lấp		x	

12	Mỏ đất Đội 3, thôn Hòa Bình, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi	1,89	Đất san lấp	x		Đã cấp phép thăm dò
13	Mỏ cát Nghĩa Lập, xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức và xã Hành Phước huyện Nghĩa Hành	8,9	Cát xây dựng	x		
14	Mỏ cát thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng (Vị trí 3)	1,06	Cát xây dựng	x		
15	Mỏ đá Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn – Vị trí 1	17	Đá xây dựng	x		
16	Mỏ đá An Hội, thôn An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	30	Đá xây dựng	x		
II Các mỏ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND						
17	Mỏ đá xóm 1, thôn Diên Trường, xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ	8,41	Đá xây dựng		x	
18	Mỏ đá Suối Tiên, thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ	10,04	Đá xây dựng		x	
19	Mỏ cát Tịnh An - Nghĩa Dũng, xã Tịnh An và xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi	53,4	Cát xây dựng	x		
20	Mỏ đá Thê Lợi, xã Tịnh Phong	8,55	Đá xây dựng	x		Phân diện tích mở rộng (3,81 ha) đang lập thủ tục cấp phép
III Các mỏ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tại Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND						
21	Mỏ đá Núi Lớn, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức	17,9	Đá xây dựng	x		
22	Thôn Vạn Lý, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ	10,35	Đá xây dựng	x		
23	Mỏ đá thôn Ngọc Sơn, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	20,67	Đá xây dựng		x	
24	Mỏ đá Trung Liêm, thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ	12	Đá xây dựng		x	
25	Mỏ đá Dốc Miếu, thôn 2, xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa	15,49	Đá xây dựng		x	
26	Mỏ đá đồi Măng Lăng, thôn Ra Pân, xã Sơn Long, huyện Sơn Tây - Đá chẻ	4,54	Đá xây dựng		x	

27	Mỏ cát TDP Bắc Hoàn Đồn, thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ	1,44	Cát xây dựng		x	
28	Mỏ cát thôn Gò Năng, xã Ba Vì, huyện Ba Tơ	3,85	Cát xây dựng		x	
29	Mỏ đất Trĩ Bình, xã Bình Nguyên và xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn	5,56	Đất san lấp		x	
30	Mỏ đất núi Văn Bàn, thôn 4, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức (Vị trí 1)	9,41	Đất san lấp		x	
31	Mỏ đất núi Văn Bàn, thôn 4, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức (Vị trí 2)	8,54	Đất san lấp		x	
32	Mỏ đất Núi Thị, thôn Phước Luông, xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức (Vị trí 1)	9,7	Đất san lấp	x		Phục vụ cao tốc
33	Mỏ đất Núi Thị, thôn Phước Luông, xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức (Vị trí 2)	8,9	Đất san lấp	x		Phục vụ cao tốc
34	Mỏ đất Đèo Đồng Ngõ, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	4,5	Đất san lấp		x	
35	Mỏ đất núi An Hội, thôn Minh Tân Bắc, xã Đức Minh, huyện Mộ Đức (Vị trí 1)	9,4	Đất san lấp		x	
36	Mỏ đất hồ Đá Bàn, xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức	5,55	Đất san lấp		x	
37	Mỏ đất núi Chóp thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ	16,6	Đất san lấp		x	
38	Mỏ đất đồi Dốc Cao 02, TDP Thanh Lâm, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ	4,56	Đất san lấp		x	Đang hoàn thiện thủ tục cấp phép phục vụ cao tốc
39	Mỏ đất Đông Đá Bàn, TDP Đồng Vân, phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ	6,67	Đất san lấp		x	
40	Mỏ đất đồi Dốc Cộ, TDP Thanh Lâm, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ	20,74	Đất san lấp		x	Đang hoàn thiện thủ tục cấp phép phục vụ cao tốc
41	Mỏ đất Tây Đồng Đế 02, TDP Đồng Vân, phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ	5,28	Đất san lấp		x	

42	Mỏ đất Tây Đồng Đé 03, TDP Đồng Vân, phường Phở Thanh, thị xã Đức Phở	9,19	Đất san lấp		x	
43	Mỏ đất núi Trung Trám, phường Phở Hòa, thị xã Đức Phở	10,3	Đất san lấp		x	Đang hoàn thiện thủ tục cấp phép phục vụ cao tốc
44	Mỏ đất Hố Hóc Ngày, thôn An Chỉ, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành (Vị trí 1)	9,2	Đất san lấp		x	Quá trình thăm dò thực tế, mỏ có lượng đá nhiều, ít đất, không đạt yêu cầu kỹ thuật của dự án cao tốc
45	Mỏ đất Núi Chủ Đề, thôn Phú Lâm Đông, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	4,91	Đất san lấp		x	
46	Mỏ đất thôn Nước Xuyên, xã Ba Vì, huyện Ba Tơ	1,7	Đất san lấp		x	
47	Mỏ đất thôn Gòi Loa - Đồng Xoài, xã Ba Cung, huyện Ba Tơ	2,39	Đất san lấp		x	
48	Mỏ đất đồi Vàng Rĩa, xã Sơn Thượng, huyện Sơn Hà	3	Đất san lấp		x	
49	Mỏ đất Đồi R Lin, thôn Gia Ry, xã Sơn Trung, huyện Sơn Hà	3	Đất san lấp		x	
50	Mỏ đất đồi Pà Gâm, thôn Làng Rào, xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà	3	Đất san lấp		x	
51	Mỏ đất Tổ dân phố Làng Dầu, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà (Vị trí 1)	5	Đất san lấp		x	
52	Mỏ đất Tổ dân phố Làng Dầu, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà (Vị trí 2)	11,3	Đất san lấp		x	
53	Mỏ đất thôn Canh Mo, xã Sơn Nham, huyện Sơn Hà	5	Đất san lấp		x	
54	Mỏ đất thôn Gò Rô, xã Trà Phong, huyện Trà Bồng	2,85	Đất san lấp		x	
55	Mỏ đất Đồi Vác Rang, thôn Bãi Màu, xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây	3,42	Đất san lấp		x	

56	Mỏ đất đồi Măng Xoài, KDC Măng Lăng, thôn Ra Pân, xã Sơn Long, huyện Sơn Tây	3,07	Đất san lấp		x	
57	Mỏ đất thôn Đăk Trên, xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây	0,96	Đất san lấp	x		Đã thăm dò, đang hoàn thiện hồ sơ cấp phép khai thác phục vụ nhu cầu của địa phương
III Các mỏ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tại Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND						
58	Khu vực núi Bé, thôn Bàn thạch, xã Phổ Cường, thị xã Đức Phổ	19,64	Đất san lấp		x	Đang hoàn thiện thủ tục cấp phép phục vụ cao tốc
59	Núi Trung Trám, xã Phổ Cường và phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ	32	Đất san lấp		x	Đang hoàn thiện thủ tục cấp phép phục vụ cao tốc
60	Núi Hố Lỡ, thôn Tú Sơn, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức	12	Đất san lấp		x	Quá trình thăm dò thực tế, mỏ có lượng đá nhiều, ít đất, không đạt yêu cầu kỹ thuật của dự án cao tốc
61	Núi Bren, thôn Vạn Lý, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ	7,53	Đất san lấp		x	Đang hoàn thiện thủ tục cấp phép phục vụ cao tốc
62	Núi Truong Ôi, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	22,81	Đất san lấp		x	Đang hoàn thiện thủ tục cấp phép phục vụ cao tốc